TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **249**/2025/HS-PT
Ngày: 13/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

ông **Phạm Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 147/2025/TLPT-HS ngày 08 tháng 04 năm 2025 đối với bị cáo Trần Phước L về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2024/HS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Phước L (tên gọi khác: không), sinh ngày 08/8/1988, tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: khối phố B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Phước L1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1964); vợ Trần Minh N (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/11/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Nguyễn Văn T, Luật sư Công ty L5 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ.

Địa chỉ: H H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị hại:* bà Lương Anh T1, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: K L, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo*: ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 3 N, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Chí T3

Địa chỉ: D L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 7/2023, do cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, Trần Phước L đã đưa ra thông tin gian dối về việc cần tiền đáo hạn ngân hàng để vay mượn tiền của ông Thân Quang N1 và bà Lương Anh T1, sau đó chiếm đoạt tổng cộng 1.200.000.000 đồng.

Cụ thể, Trần Phước L đã chiếm đoạt 500.000.000 đồng của ông Thân Quang N1 bằng cách dùng ô tô Mazda 6, màu xanh, biển kiểm soát 43A-330.79 làm tài sản thế chấp. Năm 2018, Phước L mua xe ô tô biển kiểm soát 43A-330.79 nhưng do không có hộ khẩu tại Đà Nẵng nên nhờ anh Văn Quang M (trú phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng) đứng tên đăng ký. Cuối năm 2019, Phước L cho ông Nguyễn Thành L2 thuê xe để chạy dịch vụ. Đến tháng 8/2020, Thành L2 báo mất giấy chứng nhận đăng ký xe và yêu cầu Phước Long cung C giấy tờ để làm lại. Đến tháng 3/2021, Thành L2 trả lại xe cùng giấy tờ cho Phước L. Năm 2022, khi đi rửa xe, Phước L phát hiện có thêm một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, nghĩ rằng đây là giấy đăng ký cũ mà Thành L2 đã làm mất trước đó. Ngày 14/02/2023, tại phòng Công chứng Đặng Duy H1, thành phố Đà Nẵng, P đã nhờ vợ chồng anh Văn Quang M chị Khương Thị L3 ký hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô biển kiểm soát 43A-330.79 cho bà Nguyễn Thị Hồng M1 để vay 550.000.000 đồng. Sau đó, Phước L nói bà Hồng M1 cho thuê lại xe ô tô này để sử dụng. Hàng tháng, Phước L trả tiền thuê xe và tiền lãi (5%/tháng) cho bà Hồng M1 đầy đủ. Đến đầu tháng 7/2023, do cần tiền trả nợ, Trần Phước L liên hệ với anh Thân Quang N1 để vay 500.000.000 đồng, lãi suất 0,2%/ngày, thời hạn vay 07 ngày, ông N1 yêu cầu phải có tài sản thế chấp. Do cần tiền, Phước L đến gặp anh Văn Quang M nói dối rằng mình đã thương lượng với bà

Hồng M1 để lấy lại giấy đăng ký xe và thế chấp vay tiền của ông N1 nhằm hủy hợp đồng công chứng trước đó. Tin tưởng Phước L, anh Quang M ký hợp đồng chuyển nhượng xe cho ông N1, Phước L sau đó giao xe và giấy đăng ký xe cho ông N1 để vay 500.000.000 đồng với lãi suất 0,2%/ngày trong 7 ngày. Đến tháng 10/2023, khi Phước L không còn trả tiền thuê xe và lãi suất, bà Hồng M1 phát hiện xe đã bị Phước L thế chấp nên tố cáo. Ngày 22/11/2023, Phước L nhờ chị Khương Thị L3 trả lại 418.000.000 đồng cho ông N1 để lấy lại xe và giao nộp cho Cơ quan Điều tra. Ông N1 không yêu cầu Phước L bồi thường số tiền còn lại.

Ngoài ra, Trần Phước L còn chiếm đoạt 700.000.000 đồng của bà Lương Anh T1 (sinh năm 1981, trú: tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) bằng cách giả vờ vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Ngày 17/7/2023, L nói với bà T1 rằng cần tiền để tất toán hợp đồng vay số 3019606027/2023 tại V1 nhằm hạ lãi suất, hứa sẽ hoàn trả sau 2 ngày khi ngân hàng giải ngân. Để tạo thêm niềm tin với bà T1, Trần Phước L liên lạc với bạn tên Trương Công T4 (sinh năm 1988, trú: thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam) nhờ T4 trả lời điện thoại cho bà T1 nội dung: Thôi là nhân viên ngân hàng V2, đang làm hồ sơ vay của L và thời gian giải ngân là 02 ngày, L nói mục đích nhờ Thôi giúp là để L vay tiền bà T1 đáo hạn ngân hàng. Thôi hỏi Long sao không nói nhân viên ngân hàng trả lời thì L cho biết phía ngân hàng có liên quan đến nhà vợ của L, sợ phiền nên nhờ T4, nghe vậy T4 đồng ý. Sau đó, L đến gặp bà T1 viết giấy vay tiền 700.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 17/7/2023 đến ngày 18/7/2023. Tài sản thế chấp đảm bảo trả nợ là thửa đất số 740, tờ bản đồ 10 tại thôn B, xã Đ, Đ, tỉnh Quảng Nam, theo sổ đỏ số CV 371857 cấp ngày 12/6/2020 tên Trần Phước L (thửa đất này, L đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần Ngọc T5 phường H, quận L từ tháng 02/2023). Khi vay tiền bà T1, L chỉ đưa cho bà T1 bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bà T1 đã làm mất giấy này nên không có để giao nộp cho cơ quan Điều tra). Ngoài ra, L còn cung cấp số điện thoại số 0903633693 của Thôi cho bà T1, L nói T4 là nhân viên ngân hàng V2 đang làm hồ sơ vay vốn cho L. Bà T1 đã liên lạc với với T4 và T4 xác nhận nội dung như L đã nói. Bà T1 tin tưởng cho L vay tiền và chuyển khoản vào số tài khoản của vợ L là Trần Minh N (sinh năm 1991) theo yêu cầu của L. Số tiền chiếm đoạt, L dùng 404.000.000 đồng trả nợ cho ông Nguyễn Hữu T2 (trú 3 N, TP Đà Nẵng), dùng 140.000.000 đồng để mua tiền ảo USDT của Châu Đức L4 (trú phường N, quận S), chuyển cho Phan Đình Nhật A (trú xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế) 35.000.000 đồng để mua nguyên liệu cà phê và chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, gia đình L đã bồi thường 210.000.000 đồng cho bà T1. Hiện bà T1 yêu cầu L tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 490.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 04/3/2025 của Tòa án nhân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Phước L phạm tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

2. Về hình phạt: căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Trần Phước L 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, ngày 24/11/2023.

3. Về biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Buộc ông Nguyễn Hữu T2 phải nộp lại số tiền 404.000.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án, trừ vào nghĩa vụ của bị cáo Trần Phước L đối với bị hại bà Lương Anh T1.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, án phí; quy định về thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/3/2025, bị cáo Trần Phước L có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14/03/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T2 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần biện pháp tư pháp của bản án sơ thẩm, theo đó, ông không đồng ý nộp lại số tiền 404.000.000 đồng mà Trần Phước L đã trả nợ cho ông, số tiền nhận của L ông đã chuyển trả nợ cho chị Đào Thị Tường V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, các điểm a, c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa bản án sơ thẩm giảm hình phạt cho bị cáo Trần Phước L và huỷ biện pháp tư pháp của bản án sơ thẩm đối với ông Nguyễn Hữu T2.

Người bào chữa của bị cáo Trần Phước L là Luật sư Nguyễn Văn T gửi luận cứ thể hiện quan điểm thống nhất về hành vi và tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo. Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực khắc phục một phần hậu quả cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Phước L có đơn kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 04/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T2 có đơn kháng cáo xem xét phần biện pháp tư pháp; Đơn kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Phước L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về tội danh:

Bị cáo thừa nhận hành vi và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và quy kết đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Phước L trong quá trình điều tra và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: để có tiền chi tiêu cá nhân và trả nợ, Trần Phước L đã đưa ra thông tin gian dối để bị hại tin tưởng rồi chiếm đoạt của ông Thân Quang N1 và bà Lương Anh T1 tổng số tiền **1.200.000.000** đồng; cụ thể: đầu tháng 7/2023, sau khi thỏa thuận ký hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô hiệu Mazda 6, biển kiểm soát 43A-330.79 cho bà Nguyễn Thị Hồng M1 rồi thuê lại xe để sử dụng thì Trần Phước L tiếp tục sử dụng xe ô tô này để thế chấp vay của ông Thân Quang N1 **500.000.000** đồng; ngoài ra, ngày 17/7/2023, Trần Phước L dùng giấy tờ thửa đất số 740, tờ bản đồ số 10 tại thôn B, xã Đ, Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (thửa đất này trước đó tháng 02/2023 L đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần N) thế chấp cho bà Lương Anh T1 để vay **700.000.000** đồng, sau đó L chiếm đoạt số tiền này của bà T1.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng kết tội Trần Phước L "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" với tình tiết định khung "*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp tài sản của người khác đều bị trừng trị nhưng vì mục đích cá nhân, bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương nên cần phải áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo cải tạo, giáo dục riêng cũng như răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo là đúng pháp luật.

Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, Tòa án cấp sơ

thẩm đã áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt Trần Phước L mức án 10 năm tù là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Trần Phước Long cung C tài liệu do chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có thành tích trong công tác tại đơn vị năm 2011 và năm 2012; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền 490.000.000đ cho người bị hại như bản án sơ thẩm tuyên buộc. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[3]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trần Phước L thừa nhận trong tổng số tiền 700.000.000đ bị cáo chiếm đoạt của bị hại bà Lương Anh T1 thì bị cáo đã chuyển trả nợ cho ông Nguyễn Hữu T2 với số tiền 404.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hữu T2 cũng thừa nhận đã nhận số tiền 404.000.000đ do bị cáo L trả nợ. Lời khai của ông T2 phù hợp với lời khai của bị cáo L về thời gian, phương thức giao dịch, nội dung giao dịch đối với số tiền 404.000.000đ nêu trên, cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Nguồn gốc khoản tiền bị cáo đã chuyển cho ông T2 là do bị cáo chiếm đoạt của bị hại mà có nên Toà án cấp sơ thẩm buộc ông T2 có nghĩa vụ nộp lại khoản tiền này để trả cho bị hại là có căn cứ. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm vừa tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Lương Anh T1 số tiền 490.000.000đ nhưng lại tiếp tục buộc ông Nguyễn Hữu T2 phải nộp lại số tiền 404.000.000đ để trừ vào nghĩa vụ của bị cáo L là tuyên buộc lặp lại, dẫn đến khó khăn cho việc thi hành bản án. Đúng ra, cấp sơ thẩm phải truy thu khoản tiền 404.000.000đ mà ông T2 đã nhận từ bị cáo để trả lại cho bị hại, sau đó buộc bị cáo L phải bồi thường số tiền còn lại là 86.000.000đ (490.000.000đ - 404.000.000đ) cho bị hại Lương Anh T1 mới đúng quy định.

Mặt khác, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Trần Phước L đã tác động gia đình nộp toàn bộ số tiền 490.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự để bồi thường cho bà Lương Anh T1. Như vậy, phần trách nhiệm dân sự bị cáo đã thực hiện xong, quyền lợi của bà T1 được đảm bảo, số tiền bồi thường này sẽ được khấu trừ trong giai đoạn thi hành án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T2, sửa bản bản án sơ thẩm, huỷ phần Biện pháp tư pháp (Mục **4.**, phần Quyết định) của Bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Phước L và ông Nguyễn Hữu T2 không phải chịu.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Phước L, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 04/3/2025 của Tòa án nhân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với bị cáo.

1.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Trần Phước L 09 (chín) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, ngày 24/11/2023.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T2, sửa Bản án về phần biện pháp tư pháp.

2.1. Huỷ mục **4. Về biện pháp tư pháp** trong phần Quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 04/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Phước L, ông Nguyễn Hữu T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GĐKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người TGTT có kháng cáo;
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Kiên